DANH SÁCH

Công chức, viên chức chính thức được cử ra làm việc

tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 2207 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ				Chức vụ, đơn vị công tác	Ngạch công chức	Thời gian công tác trong ngành, lĩnh vực	Thời hạn làm việc tại Trung tâm	Ghi chú
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*8*	*10*	*11*	*12*	*13*
I	**Sở Công thương**											
1	Đỗ Văn Ninh	16/10/1989		Đại học	Quản trị kinh doanh	Anh B	UDCNTTCB	Chuyên viên văn phòng Sở	01.003	09 năm	12 tháng	
II	**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**											
2	Nguyễn Thị Yến		07/8/1981	Đại học	Nông học	Anh C	UDCNTTCB	Viên chức, Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	V.03.01.02	17 năm	12 tháng	
III	**Sở Kế hoạch và Đầu tư**											
3	Dương Thị Hòa		20/10/1989	Đại học	Tài chính-Ngân hàng	Anh C	UDCNTTCB	Chuyên viên Phòng đăng ký kinh doanh	01.003	03 năm	12 tháng	
IV	**Sở Y tế**											
4	Hoàng Thanh Thúy		17/12/1973	Chuyên khoa I	Dược	Anh B	B	Chuyên viên phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Sở Y tế	01.002	30 năm	12 tháng	
V	**Sở Khoa học và Công nghệ**											
5	Dương Thị Thu Hường		10/8/1985	Thạc sỹ	Kinh tế nông nghiệp	Anh A	B	Chuyên viên, phòng Nghiệp vụ Tiêu chuẩn - Chất lượng, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	01.003	10 năm	12 tháng	
VI	**Sở Nội vụ**											
6	Vy Thị Hoàng Linh		09/11/1985	Đại học	Quản trị Văn phòng	Anh B1	B	Chuyên viên, Văn phòng Sở	01.003	13 năm 11 tháng	12 tháng	
VII	**Sở Tư pháp**											
7	Vi Thị Tâm		20/01/1997	Đại học	Luật học	Anh B1	UDCNTTCB	Chuyên viên Phòng hành chính tư pháp và Bổ trợ tư pháp	01.003	02 năm 02 tháng	12 tháng	
VIII	**Sở Xây dựng**											
8	Đinh Kim Hạnh		19/8/1988	Thạc sỹ	Luật	Anh C	C	Thanh tra viên, Thanh tra Sở Xây dựng	04.025	11 năm	12 tháng	
IX	**Sở Tài nguyên và Môi trường**											
9	Vi Thị Thúy		21/3/1987	Kỹ sư	Công nghệ thông tin	Anh B		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	V.05.02.08	13 năm 1 tháng	12 tháng	
X	**Sở Giao thông vận tải**											

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ				Chức vụ, đơn vị công tác	Ngạch công chức	Thời gian công tác trong ngành, lĩnh vực	Thời hạn làm việc tại Trung tâm	Ghi chú
		Nam	Nữ	*Trình độ chuyên môn*	*Chuyên ngành đào tạo*	*Ngoại ngữ*	*Tin học*					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*8*	*10*	*11*	*12*	*13*
10	Hoàng Thị May		27/7/1987	Đại học	Kỹ sư kinh tế vận tải	Anh C	B	Chuyên viên Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	01.003	12 năm	12 tháng	
11	Bế Hà Ngân		13/12/1989	Thạc sỹ	Thạc sỹ quản lý kinh tế	Anh C	A	Chuyên viên Văn phòng Sở	01.003	12 năm	12 tháng	
XI	**Sở Giáo dục và Đào tạo**											
12	Trương Quỳnh Liễu		20/5/1985	Đại học	Công nghệ thông tin	Anh B		Giảng viên, Trường CĐSP Lạng Sơn	V.07.08.22	13 năm	12 tháng	
XII	**Sở Tài chính**											
13	Hoàng Mỹ Yên		08/8/1975	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Anh B	B	Chuyên viên Văn phòng Sở	01.003	28 năm	12 tháng	

Danh sách này ấn định: 13 người./.

DANH SÁCH

Công chức, viên chức dự phòng được cử ra làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 2207 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ				Chức vụ, đơn vị công tác	Ngạch công chức	Thời gian công tác trong ngành, lĩnh vực	Thời hạn làm việc tại Trung tâm	Ghi chú
		Nam	Nữ	*Trình độ chuyên môn*	*Chuyên ngành đào tạo*	*Ngoại ngữ*	*Tin học*					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*6*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
I	**Sở Công thương**											
1	Trần Thị Lan Anh		02/01/1991	Đại học	Quản lý năng lượng	Anh B	UDCN TTCB	Chuyên viên Phòng QLNL	01.003	06 năm	12 tháng	
2	Nông Tuấn Anh	18/9/1988		Đại học	Tin học Ứng dụng; Kế toán	Anh B1	Kỹ sư	Chuyên viên Văn phòng Sở	01.003	07 năm	12 tháng	
II	**Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn**											
3	Hoàng Thế Kỳ	06/10/1970		Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Anh B	B	Phó Trưởng phòng Tổ chức, tuyên truyền và xây dựng lực lượng, Chi cục Kiểm lâm	10.226	29 năm 7 tháng	12 tháng	
4	Nguyễn Thị Thu Hà		29/3/1976	Thạc sĩ	Thú y	Anh B1	UDCN TTCB	Phó trưởng phòng Chăn nuôi, Chi cục Chăn nuôi và Thú y	01.003	22 năm	12 tháng	
III	**Sở Kế hoạch và Đầu tư**											
5	Trần Thị Minh Chung		26/7/1986	Đại học	Tài chính-Ngân hàng	Anh B	B	Chuyên viên Văn phòng Sở	01.003	13 năm	12 tháng	
6	Nguyễn Ngọc Sơn	28/12/1993		Thạc sỹ	Kinh tế phát triển	Anh B1	UDCN TTCB	Chuyên viên Phòng Đăng ký kinh doanh	01.003	03 năm	12 tháng	
7	Lục Văn Bình	01/9/1989		Đại học	Lâm nghiệp	Anh B1	UDCN TTCB	Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	01.003	02 năm	12 tháng	
IV	**Sở Y tế**											
8	Nguyễn Bảo Linh		14/11/1989	Chuyên khoa I	Bác sỹ	Anh B	B	Chuyên viên phòng Nghiệp vụ Y-Dược, Sở Y tế	01.003	14 năm	12 tháng	
9	Mã Thị Hiền		08/5/1988	Đại học	Nông lâm	Anh B	B	Chuyên viên Phòng Hành chính, tổng hợp - Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	01.003	11 năm 9 tháng	12 tháng	
10	Hoàng Thị Tươi		27/5/1985	Cử nhân	Xét nghiệm	Anh B	UDCN TTCB	Viên chức Trung tâm Giám định Y khoa	V.08.07.18	15 năm	12 tháng	
11	Hoàng Thị Sơn		16/12/1986	Trung cấp	Văn thư	Anh A	B	Viên chức, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	02.008	13 năm	12 tháng	
12	Nông Thị Nga		21/8/1987	Thạc sỹ	Dân số và sức khỏe sinh sản	Cử nhân Anh	B	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	01.003	09 năm	12 tháng	
V	**Sở Khoa học và Công nghệ**											

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ				Chức vụ, đơn vị công tác	Ngạch công chức	Thời gian công tác trong ngành, lĩnh vực	Thời hạn làm việc tại Trung tâm	Ghi chú
		Nam	Nữ	*Trình độ chuyên môn*	*Chuyên ngành đào tạo*	*Ngoại ngữ*	*Tin học*					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*6*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
13	Lộc Mỹ Ngân		01/5/1986	Đại học	Toán tin ứng dụng	Anh B	B	Chuyên viên, phòng Nghiệp vụ Tiêu chuẩn -Chất lượng, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	01.003	10 năm	12 tháng	
VI	**Sở Nội vụ**											
14	Lý Quốc Tuân	23/9/1981		Đại học	Triết -Tôn giáo học	Anh B	B	Chuyên viên, Phòng Tổ chức, biên chế và Cải cách hành chính	01.003	13 năm 6 tháng	12 tháng	
15	Nguyễn Xuân Nhất	17/9/1984		Đại học	Tiếng Anh	ĐH	UDCN TTCB	Chuyên viên, Phòng Thi đua, khen thưởng	01.003	12 năm	12 tháng	
VII	**Sở Tư pháp**											
16	Lương Thị Hoài		17/9/1990	Đại học	Hành chính học, Luật	Anh B	A	Chuyên viên Phòng hành chính tư pháp và Bổ trợ tư pháp	01.003	09 năm 11 tháng	12 tháng	
17	Chu Thị Hương		20/12/1990	Đại học	Luật	Anh B	A	Chuyên viên Phòng hành chính tư pháp và Bổ trợ tư pháp	01.003	10 năm 02 tháng	12 tháng	
VIII	**Sở Xây dựng**											
18	Bế Thị Lưu		16/01/1979	Đại học	Dân dụng và công nghiệp	Anh B	B	Chuyên viên Phòng Quản lý xây dựng	01.003	12 năm	12 tháng	
19	Nông Văn Chăn	21/10/1979		Đại học	Kỹ sư Giao thông	Anh C	C	Chuyên viên Phòng HTKT&VLXD	01.003	11 năm	12 tháng	
20	Lê Thanh Hải	19/11/1987		Đại học	Kỹ sư Xây dựng	Anh B	B	Chuyên viên Phòng QHKT&PTĐT	01.003	08 năm	12 tháng	
21	Chu Huyền Trang		01/11/1990	Đại học	Luật	Anh B	B	Thanh tra viên, Thanh tra Sở Xây dựng	04.025	08 năm	12 tháng	
22	Vũ Đạo Huân	01/12/1979		Đại học	Công nghệ thông tin	Anh B	Cử nhân	Chuyên viên Văn phòng Sở	01.003	17 năm	12 tháng	
IX	**Sở Tài nguyên và Môi trường**											
23	Hoàng Quốc Việt	13/3/1989		Thạc sỹ	Quản lý đất đai	Anh B	B	Viên chức Trung tâm Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	V.06.01.02	10 năm, 05 tháng	12 tháng	
X	**Sở Giao thông vận tải**											
24	Vy Văn Quản	08/01/1983		Đại học	Đại học Luật; CN tin học	Anh B	CN	Chuyên viên Văn phòng Sở	01.003	14 năm	12 tháng	
25	Nguyễn Thị Hương Trà		29/6/1987	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	Anh C	B	Chuyên viên phòng QLVTPT&NL	01.003	12 năm	12 tháng	
26	Vi Hoàng Hiệp	08/12/1989		Đại học	Kỹ sư cơ khí chuyên dùng	Anh B	B	Chuyên viên phòng QLVTPT&NL	01.003	08 năm	12 tháng	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ				Chức vụ, đơn vị công tác	Ngạch công chức	Thời gian công tác trong ngành, lĩnh vực	Thời hạn làm việc tại Trung tâm	Ghi chú
		Nam	Nữ	*Trình độ chuyên môn*	*Chuyên ngành đào tạo*	*Ngoại ngữ*	*Tin học*					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*6*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
27	Lý Thị Dung		15/9/1984	Đại học	Kỹ sư cầu đường bộ	Anh B	B	Chuyên viên phòng Quản lý KCHT&ATGT	01.003	11 năm	12 tháng	
28	Triệu Thu Thủy		19/3/1989	Đại học	Kỹ sư kinh tế vận tải	Anh C	B	Chuyên viên phòng QLVTPT&NL	01.003	12 năm	12 tháng	
29	Đinh Thị Như Hoa		23/3/1973	Đại học	Tài chính kế toán	Anh B	B	Chuyên viên Văn phòng Sở	01.003	29 năm	12 tháng	
XI	**Sở Giáo dục và Đào tạo**											
30	Hoàng Kim Thúy		06/3/1986	Thạc sỹ	Quản lý Giáo dục	Anh A2	UDCN TTCB	Giảng viên, Trường CĐSP Lạng Sơn	V.07.08.22	05 năm	12 tháng	
XII	**Sở Tài chính**											
31	Mai Thị Oanh		28/01/1981	Đại học	Kế toán	Anh B	B	Chuyên viên Văn phòng Sở	01.003	19 năm	12 tháng	

Danh sách này ấn định: 31 người./.